TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
Số: 2049 /QĐ-HĐTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét miễn thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2023-đợt 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023- ĐỢT 2

Căn cứ Quyết định số 1551/QĐ-KHTN ngày 25/08/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2023- đợt 2;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-KHTN, ngày 08/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG, ngày 06/01/2023 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành tại Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-KHTN, ngày 21/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1052/QĐ-KHTN, ngày 08/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét miễn thi môn ngoại ngữ đối với thí sinh đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ năm 2023- đợt 2.

Danh sách thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các thí sinh có tên tại Điều 1 đã đạt trình độ ngoại ngữ đối với người dự thi tuyển sinh vào trình độ thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Phòng, Ban, Khoa có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ban ĐT, ĐHQG-HCM (để theo dõi);
- Hồ sơ tuyển sinh SĐH;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

HIỆU TRƯỞNG
Trần Lê Quan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐƯỢC XÉT MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023- ĐỢT 2

(Đính kèm Quyết định số: 2049 /QĐ-HĐTS, ngày 12/10/2023 của Chủ tịch HĐTS SĐH)

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
							văn bằng; c/c	điểm
1	1000004	Trịnh Quang	Đại	21/04/1989	Nam Định	Khoa học dữ liệu	VSTEP (Bậc)	3
2	1000006	Lê Hồng	Đức	07/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa học dữ liệu	IELTS (Academic)	5.5
3	1000011	Trần Mỹ	Duyên	03/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa học dữ liệu	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
4	1000012	Nguyễn Kiều	Giang	21/10/1978	Đồng Nai	Khoa học dữ liệu	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
5	1000013	Nguyễn Trường	Giang	01/01/1996	Hà Nam	Khoa học dữ liệu	VSTEP (Bậc)	4
6	1000014	Lê Thị	Hiền	07/07/1992	Nam Định	Khoa học dữ liệu	VSTEP (Bậc)	3
7	1000019	Dương Lê Quang	Huy	10/10/2000	Bình Định	Khoa học dữ liệu	VSTEP (Bậc)	3
8	1000020	Dương Thị Nga	Huyền	17/03/1982	Đắk Lắk	Khoa học dữ liệu	JLPT N2	
9	1000027	Trần Tuấn	Minh	28/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa học dữ liệu	IELTS (Academic)	7.5
10	1000030	Phan Thị Thanh	Ngọc	20/11/1992	Hà Tĩnh	Khoa học dữ liệu	HSK cấp độ 3	
11	1000043	Lê Thị Mai	Thảo	24/03/1997	Phú Yên	Khoa học dữ liệu	IELTS (Academic)	5
12	1000044	Thái Dương Thanh	Thảo	06/03/2000	Phú Yên	Khoa học dữ liệu	IELTS (Academic)	5
13	1000049	Đoàn Thị Thu	Trang	23/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa học dữ liệu	VSTEP (Bậc)	4
14	1000051	Ngô Minh	Trí	10/10/1995	Vĩnh Phúc	Khoa học dữ liệu	VSTEP (Bậc)	4
15	1000053	Nguyễn Thanh	Trúc	14/02/1996	Đồng Tháp	Khoa học dữ liệu	IELTS (Academic)	6.5

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
							văn bằng; c/c	điểm
16	1000055	Vũ Ngọc Thảo	Vy	18/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa học dữ liệu	IELTS (Academic)	6
17	1100003	Phạm Quốc	Bình	29/08/2000	Thành phố Hải Phòng	Khoa học máy tính	IELTS	7.5
18	1100005	Trần Nhật	Huy	27/06/2001	An Giang	Khoa học máy tính	TOEIC	L: 495, R: 495, S: 150, W: 190
19	1100012	Đặng Ngọc	Sang	19/07/1995	Bình Định	Khoa học máy tính	VSTEP (Bậc)	3
20	1100017	Lê Bảo	Tuân	30/03/1997	Bạc Liêu	Khoa học máy tính	VSTEP (Bậc)	3
21	1400001	Huỳnh Thiên	Ân	05/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC	L:375, R:360, S:120, W:160
22	1400004	Nguyễn Hoàng	Bảo	29/01/1996	Đắk Lắk	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6
23	1400005	Lê Minh	Duy	22/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7
24	1400012	Nguyễn Phương	Nam	24/10/1996	Lai Châu	Trí tuệ nhân tạo	TOEFL ITP	507
25	1400019	Nguyễn Hữu Minh	Trí	01/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6.5
26	2400003	Lê Thị Cẩm	Thúy	18/09/1997	Đắk Lắk	Toán ứng dụng	VSTEP (Bậc)	4
27	2400004	Lê Thị Ngọc	Thúy	22/07/1996	Đồng Tháp	Toán ứng dụng	Aptis (General) B2	
28	2900003	Hoàng Gia	Khánh	03/04/2001	Nha Trang	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP (Bậc)	5.5
29	2900005	Võ Kim	Ngân	14/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP (Bậc)	4.5
30	2900007	Lưu San	San	11/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP (Bậc)	4
31	2900009	Trần Quốc	Tuấn	23/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP (Bậc)	6.5
32	2900010	Lương Nguyễn Minh	Tuyền	09/08/1995	Quảng Nam	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP (Bậc)	6
33	3100001	Trần Thị Minh	Hoàn	30/01/1999	Đồng Nai	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	VSTEP (Bậc)	3

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
							văn bằng; c/c	điểm
34	3100002	Nguyễn Thị	Nhung	12/02/1999	Thanh Hóa	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	VSTEP (Bậc)	3
35	3200002	Nguyễn Anh	Phương	20/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Quang học	VSTEP (Bậc)	3
36	3200004	Trần Kim	Xuân	11/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Quang học	VSTEP (Bậc)	3
37	3400002	Phạm Vương Thành	Đạt	09/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP (Bậc)	6
38	3400005	Nguyễn Thành	Long	11/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP (Bậc)	4.5
39	3400008	Ngô Thụy Kim	Sa	04/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP (Bậc)	7.5
40	3900001	Thân	Ái	07/08/1987	Quảng Nam	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	VSTEP (Bậc)	3
41	3900003	Trần Thanh Phước	Hiền	28/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	VSTEP (Bậc)	3
42	3900004	Lê Nguyên	Khoa	18/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	VSTEP (Bậc)	3
43	3900012	Bùi Cang	Trí	14/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	IELTS (Academic)	6.5
44	4200003	Võ Minh	Hiếu	01/01/1998	Tỉnh Đồng Tháp	KTĐT - Chuyên ngành Vi điện tử và Thiết kế vi mạch	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
45	5600010	Nguyễn Hà	Khanh	13/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Hóa học	IELTS (Academic)	7
46	5600011	Nguyễn Ngọc Thụy	Khanh	02/07/1999	Tỉnh Bình Dương	Hóa học	TOEIC	L: 405, R: 380, S: 130, R: 160
47	5600013	Nguyễn Võ Phương	Linh	04/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Hóa học	IELTS (Academic)	7
48	5600023	Đặng Hoàng Song	Thương	19/12/2000	Tỉnh Lâm Đồng	Hóa học	VSTEP (Bậc)	3
49	5600025	Phan Đăng Quang	Trưởng	24/01/2000	Tỉnh Vĩnh Long	Hóa học	VSTEP (Bậc)	3
50	5600026	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	26/06/1997	Tỉnh Quảng Nam	Hóa học	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
51	6100003	Phan Thị Thanh	Vy	05/06/1995	Bến Tre	Hóa sinh học	IELTS	7

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
							văn bằng; c/c	điểm
52	6300003	Trần Nguyễn Lan	Hương	23/05/2000	An Giang	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	IELTS (Academic)	5.5
53	6300005	Nguyễn Vân	Khanh	24/10/1999	Thành phố Cần Thơ	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
54	6300006	Nguyễn Thị Trà	Mi	11/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	VSTEP (Bậc)	3
55	6300007	Nguyễn Kim	Ngàn	25/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Aptis (General) B2	
56	6300008	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/09/2000	Ninh Thuận	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	VSTEP (Bậc)	3
57	6300009	Nguyễn Thị Yến	Nhi	15/02/2001	Sóc Trăng	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	VSTEP (Bậc)	3
58	6300011	Vũ Đoan Mỹ	Trinh	15/05/1997	Lâm Đồng	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	VSTEP (Bậc)	3
59	6300014	Trần Anh	Vũ	25/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	VSTEP (Bậc)	3
60	6400001	Huỳnh Nguyễn Vân	Anh	12/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	VSTEP (Bậc)	3
61	6400003	Huỳnh Như	Huỳnh	26/05/2000	Tiền Giang	Vi sinh vật học	HSK Level 3	
62	6600001	Lê Hữu Quốc	Bảo	05/11/1996	Tây Ninh	Di truyền học	VSTEP (Bậc)	4.5
63	6600002	Bùi Thị Thu	Hà	05/11/1975	Nam Định	Di truyền học	Cử Nhân	
64	6600003	Nguyễn Thị Kim	Hường	25/10/1994	Tây Ninh	Di truyền học	VSTEP (Bậc)	8.5
65	6600004	Nguyễn Đức	Lộc	10/12/2000	Bình Phước	Di truyền học	VSTEP (Bậc)	4.5
66	6600006	Tạ Thành Gia	Ngọc	05/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	Di truyền học	Cử Nhân	
67	6600008	Nguyễn Minh	Phương	30/06/1995	Đồng Nai	Di truyền học	VSTEP (Bậc)	7.5
68	6700001	Lê Nhật Minh	Khoa	08/12/2000	Kiên Giang	Công nghệ sinh học	Aptis (General) B1	
69	6700006	Lê Hồng Xuân	Nguyên	15/04/1996	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ sinh học	VSTEP (Bậc)	3
70	6700007	Nguyễn Minh	Nguyễn	26/03/1998	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
71	6700008	Lê Thịnh	Phát	08/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	IELTS (Academic)	8

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
							văn bằng; c/c	điểm
72	6800001	Nguyễn Thái Minh	Châu	30/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	SHTN - Chuyên ngành Giảng dạy sinh học thực nghiệm	VSTEP (Bậc)	3
73	6800003	Trần Huỳnh Hoàng	Phước	31/08/1997	Tây Ninh	SHTN - Chuyên ngành Giảng dạy sinh học thực nghiệm	VSTEP (Bậc)	3
74	6800007	Nguyễn Lê Bảo	Yến	01/10/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	SHTN - Chuyên ngành Giảng dạy sinh học thực nghiệm	VSTEP (Bậc)	3
75	8100005	Lâm Thị	Nghiêm	16/06/2000	Bắc Giang	Khoa học môi trường	VSTEP (Bậc)	3
76	8200001	Đặng Hoàng Gia	Bảo	25/03/1997	Đồng Nai	Quản lý tài nguyên và môi trường	IELTS (Academic)	5
77	8200002	Võ Quân	Bảo	28/04/1999	Cà Mau	Quản lý tài nguyên và môi trường	VSTEP (Bậc)	3
78	8200004	Trịnh Đông	Nghi	13/01/2000	Đồng Nai	Quản lý tài nguyên và môi trường	VSTEP (Bậc)	3
79	8200005	Phan Vũ Quang	Thái	16/02/2001	Tỉnh Bình Thuận	Quản lý tài nguyên và môi trường	VSTEP (Bậc)	4

Tổng cộng danh sách gồm: 79 thí sinh